

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HS-ST

Ngày: 18 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Văn An.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Tuấn và bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Nhật Trung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Trần Xuân Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2020 (Sau đây viết tắt là: 28/8/2020) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HS ngày 04/9/2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1983 tại tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định được bố đẻ và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: Chưa có; Tiền án: Ngày 26/12/2017 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14/8/2008 Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam xử phạt 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 13/8/2009 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam đưa đi cai nghiện ma túy, thời hạn 24 tháng; ngày 10/02/2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn là 24 tháng; ngày 24/4/2017 Công an huyện L, tỉnh Hà Nam xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Mua số lô, số đề trái phép”; bị tạm giữ từ ngày 14/7/2020 và chuyển tạm giam từ ngày 23/7/2020 đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Thị M, sinh năm 1990 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị M; có chồng là Nguyễn Ngọc T và 03 con (Lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không; hiện tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của cơ quan

Cảnh sát điều tra (Sau đây viết tắt là: CSĐT), Công an huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam từ ngày 23/7/2020 đến nay; có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H:** Bà Phạm Thị N - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Nam; có mặt.

- **Bị hại:** + Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1982;

+ Anh Lê Văn Đ1, sinh năm 1977;

Cùng nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền cho anh Đ là: Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1982 - Là vợ của anh Đ1; vắng mặt.

- **Người tham gia tố tụng khác:**

+ *Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Văn T; vắng mặt

Anh Nguyễn Ngọc T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12h45' ngày 09/7/2020, Nguyễn Văn H đi bộ trên khu vực thôn A, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam thì phát hiện nhà chị Lê Thị Đ không khóa cửa, trong nhà có một người đàn ông đang ngủ, tại lán xe trước cửa nhà có 03 xe mô tô dựng cạnh nhau. Lúc này, H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản và đi vào nhà nhìn thấy có 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda - Wave α , biển kiểm soát (Sau đây viết tắt là: BKS) 90B2-429.31, chìa khóa vẫn cắm sẵn ở xe, H dắt xe ra đường, khởi động rồi điều khiển xe đến quán sửa chữa xe máy NT (chủ quán là anh Nguyễn Ngọc T) thuộc thôn N, xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam để bán chiếc xe vừa trộm cắp được lấy tiền tiêu sài. Đến khoảng 13h30' cùng ngày, H gặp Nguyễn Thị M (là vợ anh T), H nói với M muốn bán xe cho M, đồng thời mượn chiếc cờ lê tháo biển kiểm soát của xe. M hỏi H "*Xe lấy ở đâu*", H nói "*Xe vừa nháy ở C*", (M hiểu ý H là chiếc xe này vừa trộm cắp được ở xã C và muốn bán lại cho M) M đồng ý mua với giá 4.000.000 đồng. M dùng tay tháo 02 gương xe mang vào nhà cất, H mở cốp xe thấy bên trong có 01 bộ quần áo mưa, 01 ví nữ bằng vải bên trong có 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Lê Thị Đ. H cho M bộ quần áo mưa, M đưa trước cho H số tiền 1.000.000 đồng và hẹn chiều tối quay lại trả nốt số tiền còn lại và lấy xe. H cầm tiền rồi điều khiển xe đi, trên đường đi H đã rút biển số xe, chiếc ví và thẻ bảo hiểm y tế. Đến khoảng 18h cùng ngày, H điều khiển xe mô tô đã trộm cắp được quay lại gặp M, H giao xe mô tô trên cho M và nhận nốt số tiền 3.000.000 đồng còn lại rồi bỏ đi.

* Ngày 09/7/2020, chị Lê Thị Đ đã có đơn trình báo Công an huyện L. Ngày 14/7/2020, Nguyễn Văn H đến Công an huyện L đầu thú.

* Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn H thu giữ: 01 chiếc mũ phớt bằng vải, màu đỏ; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng; 01 quần bò màu xanh bạc của Nguyễn Văn H.

* Quá trình điều tra, anh Nguyễn Ngọc T đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , không có BKS, 01 chìa khóa xe, 02 gương chiếu hậu, 01 bộ quần áo mưa. Đối với chiếc BKS của xe mô tô trên, chiếc ví nữ và thẻ bảo hiểm y tế của chị Đ, H không xác định được nơi vớt những tài sản trên nên Công an huyện L không có căn cứ để truy tìm, thu giữ.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số: 15/KL-ĐGTS ngày 17/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L kết luận: *“Chiếc mô tô nhãn hiệu Honda được mô tả như trên đã qua sử dụng, có giá trị là 12.060.000 đồng; Bộ quần áo mưa được mô tả như trên có giá trị là 72.000 đồng; Chiếc ví nữ, móc chìa khóa được mô tả như trên có giá trị là 10.000 đồng”*.

* Quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 52/CT-VKSLN ngày 27/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đã truy tố Nguyễn Văn H về tội *“Trộm cắp tài sản”*, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Nguyễn Thị M về tội *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”* theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát luận tội: Giữ nguyên quan điểm kết tội đối với các bị cáo theo tội danh, điều khoản đã nêu trong cáo trạng, đồng thời bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo H là *“đầu thú”*. Sau khi phân tích, đánh giá toàn diện vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là: HĐXX):

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Văn H mức án từ 24 đến 30 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Thị M mức án từ 12 đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời hạn thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; Không xác định trách nhiệm bồi thường dân sự do bị hại không có yêu cầu; truy thu số tiền 4.000.000 đồng sung nộp ngân sách Nhà nước đối với bị cáo H; đề xuất hướng xử lý vật chứng hiện đang thu giữ theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị M hoàn toàn thừa nhận và khai báo toàn bộ hành vi các bị cáo đã thực hiện trong vụ án đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, không có ý kiến gì đối với kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác trong vụ án, cũng như các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các bị cáo đều không có ý kiến bào chữa và tranh luận gì đối với cáo buộc của Viện kiểm sát, bản thân đã nhận thức rõ hành vi phạm tội và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt, ngoài ra Nguyễn Thị M còn đề nghị HĐXX xem xét đến nhân thân và hoàn cảnh thực tế của bản thân để được cải tạo tại địa phương.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H trình bày: không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo, đồng thời phân tích về giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt, sau khi phạm tội đã tự giác ra đầu thú cùng sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, điều kiện, hoàn cảnh thực tế của bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và xử phạt bị cáo với mức án 18 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]*Về tội danh*: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhau về diễn biến nội dung vụ án (thời gian, địa điểm, hành vi thực hiện và mục đích phạm tội); phù hợp với đơn trình báo cũng như lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường vụ án, các vật chứng đã thu giữ, kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập theo trình tự luật định, phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ án.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12h 45' ngày 09/7/2020, tại lán xe trước cửa nhà vợ chồng chị Lê Thị Đ và anh Lê Văn Đ1 tại thôn A, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Nguyễn Văn H đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, đột nhập vào lán trộm cắp 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda - Wave α , BKS 90B2-429.31 trị giá 12.060.000 đồng, trong xe còn có số tiền 500.000 đồng và một số tài sản khác giá trị 82.000 đồng (gồm: 01 ví nữ bằng vải, 01 móc chìa khóa, 01 bộ quần áo mưa) và 01 thẻ bảo hiểm y tế của chị Đ. Tổng giá trị tài sản H trộm cắp của vợ chồng chị Đ, anh Đ1 là 12.642.000 (*Mười hai triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn*) đồng. Sau đó, điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp nêu trên đến quán sửa chữa xe máy NT thuộc thôn N, xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam bán cho Nguyễn Thị M. Mặc dù biết rõ chiếc xe mô tô trên là tài sản do H trộm cắp mà có nhưng M vẫn đồng ý mua với giá 4.000.000 (*Bốn triệu*) đồng và nhận của H 01 bộ quần áo mưa và cất giấu 02 gương chiếu hậu của xe mô tô trên với mục đích để sử dụng.

Hành vi của Nguyễn Văn H đã phạm vào tội: “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi của Nguyễn Thị M đã phạm vào tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Quan điểm buộc tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đối với các bị cáo theo tội danh và khung hình phạt như bản cáo trạng là hoàn toàn thỏa đáng, đảm bảo căn cứ pháp luật.

[2] *Về hình phạt*: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Trong đó, hành vi của Nguyễn Văn H đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân đối với việc quản lý tài sản. Hành vi của Nguyễn Thị M đã xâm phạm đến trật tự công cộng, tạo động lực cho thực hiện các loại tội phạm khác, gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý tội phạm.

- *Về nhân thân*:

+ Nguyễn Văn H là người có nhân thân rất xấu, từ năm 2008 đến năm 2017 có 02 tiền án (về tội Trộm cắp tài sản, Tàng trữ trái phép chất ma túy) và 03 tiền sự (đưa đi cơ sở chữa bệnh bắt buộc, giáo dục bắt buộc và xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc).

+ Nguyễn Thị M: Là người có nhân thân tốt (*Chưa có tiền án, tiền sự*). Bản thân có nơi cư trú rõ ràng, ổn định.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo Nguyễn Văn H phải 01 chịu tình tiết tăng nặng là “*Tái phạm*” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị M không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

- *Về tình tiết giảm nhẹ chung*: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của bản thân, thể hiện sự ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra:

+ Bị cáo Nguyễn Văn H sau khi phạm tội đã đến Công an huyện L đầu thú; bản thân là người không có trình độ văn hóa (0/12); thuộc diện hộ nghèo của địa phương, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Bị cáo Nguyễn Thị M đây là lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do ham rẻ, cơ hội; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt, hiện đang phải chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chưa thành niên, trong đó có 01 con bị khuyết tật bẩm sinh (*bại não*) được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, bản thân lại là lao động chủ yếu trong gia đình, nên bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

* Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét yếu tố nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, HĐXX sẽ quyết định xử lý đối với các bị cáo, *theo hướng*:

- Nguyễn Văn H là đối tượng nghiện ma túy có nhân thân rất xấu, với nhiều tiền án, tiền sự, nhưng vẫn không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để tu sửa bản thân, luôn thể hiện sự coi thường, thách thức pháp luật. Do đó, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc mới đủ tác dụng cải tạo bị cáo trở thành công dân lương thiện và phòng ngừa tội phạm chung.

- Nguyễn Thị M là phụ nữ có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng và có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, không làm ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp, đảm bảo đúng quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thể hiện được tính nhân đạo của Nhà nước đối với người phạm tội có nhân thân, hoàn cảnh như bị cáo.

Khi lượng hình HĐXX sẽ phải cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ đã nêu để quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo cho phù hợp, đảm bảo đạt lý, thấu tình, thể hiện được chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

* Xét thấy cần tiếp tục tạm giam đối với bị cáo Nguyễn Văn H để đảm bảo thi hành án, nên Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án.

[3] *Về hình phạt bổ sung*: Xét điều kiện, hoàn cảnh khó khăn thực tế của các bị cáo, nên không áp dụng hình phạt bổ sung (là phạt tiền) đối với các bị cáo.

[4] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại là chị Lê Thị Đ và anh Lê Văn Đ1 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α (không có biển kiểm soát), 01 chìa khóa xe, 01 đôi gương chiếu hậu và 01 bộ quần áo mưa. Chị Lê Thị Đ không có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì đối với những tài sản khác bị chiếm đoạt (như: Số tiền 500.000 đồng; chiếc BKS: 90B2-429.31, chiếc ví nữ và thẻ bảo hiểm y tế). Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về xử lý vật chứng*: 01 quần bò, 01 mũ lưỡi chai, 01 áo sơ mi màu trắng là tài sản của Nguyễn Văn H, bị cáo xác định đã cũ, không đề nghị nhận lại; 01 cờ lê loại 8-10 mm là tài sản của Nguyễn Thị M là công cụ thực hiện tội phạm. Xét thấy, các vật chứng trên đều không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu và tiêu hủy.

[6] *Về truy thu tiền thu lời bất chính*:

Số tiền 4.000.000 đồng Nguyễn Văn H đã bán tài sản trộm cắp là chiếc xe mô tô cho Nguyễn Thị M để thu lời bất chính, số tiền này bị cáo đã sử dụng hết, hiện chưa thu giữ được, nên phải truy thu, sung nộp ngân sách Nhà nước.

[7] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử*: Điều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và căn cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong các giai đoạn tố tụng đã thực hiện và ban hành đều hợp pháp, tuân thủ các nguyên tắc tố tụng cũng như đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao theo quy định.

[8] *Vấn đề khác*: Anh Nguyễn Ngọc T là chồng của Nguyễn Thị M, hoàn toàn không biết việc M mua bán xe trộm cắp với Nguyễn Văn H, nên được xác định không liên quan đến vụ án. Xét thấy phù hợp nên HĐXX không đề cập.

[9] *Án phí hình sự sơ thẩm*: Các bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

[10] *Quyền kháng cáo*: Các bị cáo, bị hại được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] *Áp dụng*: Khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị M.

Tuyên bố:

- Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
- Bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn H **26** (*Hai mươi sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/7/2020.

- Bị cáo Nguyễn Thị M **12** (*Mười hai*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách **24** (*Hai mươi bốn*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị M cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B1, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- *Tịch thu và tiêu hủy*: 01 quần bò loại quần dài, 01 mũ lưỡi chai màu đỏ, 01 áo sơ mi màu trắng; 01 cò lê loại 8mm-10 mm.

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm, tình trạng được ghi trong biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 28/8/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lý Nhân và Chi cục thi hành án dân sự huyện Lý Nhân).

- *Truy thu, sung nộp ngân sách Nhà nước*: Số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

[3] Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

- *Án phí hình sự sơ thẩm*: Các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

- *Án xử công khai sơ thẩm*, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Trại giam CA tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Công an huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- Các bị cáo; Bị hại;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đinh Văn An